

Số: /2021/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí
điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 3926/TTr-SNN ngày 27/7/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Long An được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Quy mô thủy lợi nội đồng

Quy mô thủy lợi nội đồng được xác định theo diện tích tưới, tiêu hưởng lợi từ công trình đó và căn cứ vào tính chất hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể:

1. Đối với kênh tưới và tưới tiêu kết hợp từ sau cống đầu kênh tới mặt ruộng có diện tích hưởng lợi nhỏ hơn hoặc bằng 300 ha. Trong một số trường hợp để đảm bảo tính hệ thống thì diện tích tưới, tiêu có thể lớn hơn 300 ha nhưng không vượt quá 400 ha.

2. Đối với kênh tiêu, hệ thống kênh tiêu từ khu vực tiêu đến trước đầu cống cuối kênh có diện tích tiêu thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 400 ha.

Điều 3. Vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, đơn vị khai thác công trình thủy lợi với tổ chức thủy lợi cơ sở là vị trí được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng quy định tại Điều 2 quyết định này, cụ thể:

1. Trường hợp thủy lợi nội đồng chỉ có một cấp: Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là điểm đầu, ngay sau cống, trạm bơm (nếu có) ở đầu của tuyến kênh, mương, đường ống chuyển nước đó.

2. Trường hợp hệ thống thủy lợi nội đồng có nhiều cấp: Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là điểm đầu, ngay sau cống, trạm bơm (nếu có) ở đầu của tuyến kênh, mương, đường ống chuyển nước cấp lớn nhất của hệ thống thủy lợi nội đồng đó.

3. Trường hợp hệ thống thủy lợi có tính liên thông, nhiều nguồn cấp nước, không có công trình kiểm soát, điều tiết, thì điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được xác định theo tọa độ trên kênh phù hợp với quy mô thủy lợi nội đồng của vùng.

4. Trường hợp không xác định được vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ cụ thể thì tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi tự thỏa thuận điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và phải báo cáo cho UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) để theo dõi, quản lý.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện quyết định này.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định, bàn giao các điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cho tổ chức cơ sở đối với các công trình thủy lợi phân cấp tỉnh quản lý. UBND cấp huyện giao đơn vị chuyên môn chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu xác định, bàn giao các điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cho tổ chức cơ sở đối với các công trình thủy lợi phân cấp huyện quản lý.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, UBND cấp huyện và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung quyết định cho phù hợp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2021.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND cấp huyện và thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- TT.UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng: KTTC, THKSTTHC;
- Ban Nội chính – Tiếp công dân;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, SNN, Nguyên.

QD_DIEM GIAO NHAN SPDVTL (3926)

Nguyễn Văn Út